

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ B
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **05/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/12/2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: **Lò Văn Ôn.**

Ông: **Lò Văn Thương.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Nhung**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà **Nhữ Thị Thanh Nhân**- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Sùng Thị B** - sinh năm: 1999;

Nơi ĐKTT và chỗ ở: Bản P C, xã A C, huyện M A, tỉnh Điện Biên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Vừ A C** - sinh năm: 1996;

Nơi ĐKTT: Bản Con C, xã N U, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

(Hiện đang chấp hành án tại: Đội 14, phân trại I, Trại giam N T, xã N T, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2020 và Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Sùng Thị B trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị Sùng Thị B và anh Vừ A C lấy nhau từ năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ cưới theo phong tục địa phương, ở với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Hôn nhân của anh chị thời gian đầu có hạnh phúc. Đến năm 2016 thì anh C bị bắt và bị Tòa án nhân dân tỉnh

Điện Biên xử phạt 20 năm tù về tội "Mua bán trái pháp chất ma túy" hiện đang chấp hành án tại: Đội 14, phân trại I, Trại giam N T, xã N T, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên. Hiện nay chị B đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại Bản P C, xã A C, huyện M A, tỉnh Điện Biên sinh sống, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh C.

- *Về con chung*: Chị B và anh C có 01 con chung là cháu Vừ Thị P, sinh ngày 02/6/2015, hiện cháu P đang ở cùng với chị B. Chị B có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vừ Thị P cho đến tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị B không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng.

- *Về quan hệ tài sản*: Tài sản riêng, Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của chị B cho anh C biết để anh C thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại bản tự khai đề ngày 06/11/2020 bị đơn anh Vừ A C trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh C và chị B lấy nhau từ năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ cưới theo phong tục địa phương, ở với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Hôn nhân của anh chị thời gian đầu có hạnh phúc. Đến năm 2016 thì anh C bị bắt và bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt 20 năm tù về tội "Mua bán trái pháp chất ma túy" hiện đang chấp hành án tại: Đội 14, phân trại I, Trại giam N T, xã N T, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên. Nay cô B làm đơn xin ly hôn, xét thấy tình cảm vẫn còn, quan điểm của tôi là không đồng ý ly hôn với chị B.

- *Về con chung*: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Vừ Thị P, sinh ngày 02/6/2015, hiện tôi đang chấp hành án tại Trại giam N T, xã N T, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên nên cháu P đang ở cùng với cô B.

Quan điểm của tôi không muốn ly hôn cho nên không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

- *Về quan hệ tài sản*: Tài sản riêng, Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

Hiện anh C đang chấp hành hình phạt tù trong trại giam N T, Tòa án đã triệu tập họp các thủ tục hợp lệ lần 2 nhưng anh C vẫn vắng mặt.

Chị Sùng Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt và quan điểm vẫn giữ nguyên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên giải quyết cho chị được ly

hôn với anh Vừ A C và giải quyết quan hệ con chung theo nội dung đơn xin ly hôn chị B đã trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh về hôn nhân của chị B và anh C; về con chung; tài sản chung, riêng và quá trình vắng mặt của anh C tại địa phương.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự: Đối với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71 BLTTDS. Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là bản photo có công chứng hoặc bản chính, đảm bảo đúng quy định tại Điều 95 BLTTDS.

Đối với bị đơn: Bị đơn đang chấp hành án trong trại giam nên không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị B và tuyên không công nhận quan hệ giữa chị Sùng Thị B và anh Vừ A C là vợ chồng

- Đối với con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 58, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Vừ Thị P, sinh ngày 02/6/2015 cho chị B trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng. Chị B không yêu cầu Tòa giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản: Chị B và anh C đều khai không có.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX miễn án phí DSST cho chị B.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Sùng Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vừ A C. Đây là vụ án về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Anh C hiện nay đang chấp hành án tại đội 14, phân trại I, Trại giam Nà T, xã N

T, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên, trước khi bị bắt anh C có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Bản C C, xã N U', huyện Đ B, tỉnh Điện Biên nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn đang chấp hành án trong trại giam nên quá trình giải quyết Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của Viện kiểm sát để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị B và anh C được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và đi đến hôn nhân bằng việc tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2014 nhưng anh chị không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong quá trình chung sống từ năm 2014 cho đến nay anh chị cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do đó đã vi phạm vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên được coi là hôn nhân không hợp pháp. Đến năm 2016 anh C bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt 20 năm tù về tội "Mua bán trái pháp chất ma túy" hiện đang chấp hành án tại: Đội 14, phân trại I, Trại giam N T, xã N T, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên, anh C đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Chị B đã đưa con về nhà bố mẹ sinh sống, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải tuyên bố quan hệ giữa chị B và anh C không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị B và anh C có 01 con chung là Vừ Thị P, sinh ngày 02/6/2015, hiện cháu P đang ở cùng với chị B. Chị B có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vừ Thị P cho đến tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại anh C đang cải tạo tại Trại giam N T, xã N T, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên anh C không thể có điều kiện nuôi dưỡng cháu Vừ Thị P được. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B, giao con chung cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hiện tại anh C đang chấp hành án không có khả năng cấp dưỡng nên HĐXX chấp nhận việc chị B không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, chị B là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo có đơn xin miễn án phí nên HĐXX chấp nhận miễn án phí cho chị Sùng Thị B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 51; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 58, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Sùng Thị B và anh Vừ A C là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Chị Sùng Thị B được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Vừ Thị P, sinh ngày 02/6/2015 cho đến khi con đủ tuổi thành niên hoặc cho đến khi có thay đổi khác. Anh Vừ A C không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị B.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

4. Về án phí: Miễn 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm cho chị Sùng Thị B.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan